TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 6 năm 2019
V/v "*Không công nhận quan hệ là vợ chồng"*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hồ Văn Hạnh
2. Bà Hoàng Thị Hồng.

Thư ký phiên toà: Ông Thiều Sỹ Vững - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Dương Minh Xuân- c/v: Kiểm sát viên.

Ngày 21/6/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2019/TLST–HNGĐ ngày 16/4/2019 về việc "*Không công nhận quan hệ là vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1974 – có mặt
Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Long Ch, sinh năm 1977 – có mặt;
Địa chỉ: Tổ dân phố M, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô Nguyễn Thị Long Ch tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống với nhau lúc đầu rất hạnh phúc, sau đó tôi phát hiện vợ tôi có cái gì đó bất thường nên chúng tôi hay xảy ra mâu thuẫn và không còn hạnh phúc nữa, chúng tôi đã sống ly thân nhau gần một năm, nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng cho tôi và cô Nguyễn Thị Long Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/6/2004 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/12/2009, tôi xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T, và giao con chung

Nguyễn Ngọc Bảo T cho cô Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Long Ch trình bày: Tôi hoàn toàn đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn anh Nguyễn Văn M, về quan hệ hôn nhân, con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

Về mâu thuẫn vợ chồng do hai vợ chồng tôi sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nhau và chúng tôi đã sống ly thân hơn một năm nay. Nay tôi xét thấy tình cảm với anh M không còn nên tôi đồng ý Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ là vợ chồng cho tôi và anh M.

Về con chung: Tôi và anh M có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/6/2004 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/12/2009, tôi xin được nuôi con chung Nguyễn Ngọc Bảo T và đồng ý để anh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện VKSND thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử, thư ký, nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận ông Nguyễn Văn M với bà Nguyễn Thị Long Ch là quan hệ vợ chồng, về con chung, tài sản chung các bên đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn ông Nguyễn Văn M giữ nguyên yêu cầu.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Long Ch vẫn giữ nguyên ý kiến và không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Long Ch chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn, đây

là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 7 Điều 28 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn HĐXX thấy: Ông M và bà Ch tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn, mặt khác tại biên bản xác minh tại địa phương cũng thể hiện Ông M, bà Ch đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống với nhau ông, bà sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhau và hai người đã sống ly thân nhau. Nay Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng cho ông và bà Ch là có căn cứ phù hợp khoản 1 Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm c, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội, cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, ông, bà có 02 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/6/2004 và Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/12/2009, Ông M xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Văn T cho đến khi đủ tuổi thành niên, và đồng ý giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T cho bà Ch trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên, lời trình bày và yêu cầu của Ông M được bà Ch chấp nhận, vì vậy xét lời trình bày và yêu cầu của các đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản***:*** Ông M, bà Ch không yêu cầu nên Toà án không đặt ra giải quyết.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn M chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; khoản 8 Điều 28, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

-Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị Long Ch là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/6/2004 cho Ông M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành

niên, giao con chung Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 03/12/2009 cho bà Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông M, bà Ch không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

-Về tài sản: Ông M, bà Ch không yêu cầu nên Toà án không xem xét giải quyết.

-***Về án phí:*** Ông Nguyễn Văn M chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0011447 ngày 12/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKS thị xã Buôn Hồ;*
- *UBND phường A;*
- *THA DS thị xã;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm